

Khuynh hướng nghiên cứu ngôn ngữ - hình thức trong thi pháp học

Phạm Ngọc Hiền^(*)

Tóm tắt: *Khuynh hướng nghiên cứu ngôn ngữ - hình thức văn chương là một trong những khuynh hướng cơ bản của thi pháp học. Những người theo luận thuyết này quan niệm ngôn ngữ văn chương là một hệ thống tín hiệu có tính thẩm mỹ cao. Họ chú trọng nghiên cứu hình thức nghệ thuật hơn là nội dung tư tưởng tác phẩm. Khuynh hướng này bắt đầu thịnh hành ở châu Âu đầu thế kỷ XX nhưng phải đến những năm 1960, nó mới được giới thiệu ở Việt Nam.*

Từ khóa: Thi pháp học, Ngôn ngữ học, Ký hiệu học, Hình thức luận

Thi pháp học hiện đại khởi nguồn từ những lý thuyết của trường phái “Ngôn ngữ học Genève” và trường phái “Hình thức Nga” đầu thế kỷ XX. Đến nay, khuynh hướng thi pháp học ngôn ngữ - hình thức đã trải qua một thế kỷ hình thành và phát triển. Nó không chỉ có sức phổ biến rộng rãi mà còn thấm thấu vào nhiều chuyên ngành khác. Qua việc nghiên cứu khuynh hướng này, chúng ta có thể hình dung được phần nào bức tranh thi pháp học trên thế giới và Việt Nam.

1. Khuynh hướng nghiên cứu ngôn ngữ văn chương

Ngôn ngữ học là bộ môn nghiên cứu ngôn ngữ của con người trong tất cả mọi lĩnh vực, từ đời sống đến sách vở. Trong lĩnh vực sách vở, nó cũng chia làm nhiều bộ phận: hành chính, khoa học, chính trị,

báo chí, nghệ thuật. Trong nghệ thuật có ngôn ngữ âm nhạc, ngôn ngữ sân khấu - điện ảnh, ngôn ngữ văn chương,... Nhà ngôn ngữ học V. Vinogradov đặt ra nhiệm vụ nghiên cứu thi pháp học từ góc độ nghệ thuật ngôn từ: “Thi pháp học là khoa học về các hình thức, các dạng thức, các phương tiện, phương thức tổ chức tác phẩm của sáng tác ngôn từ, về các kiểu cấu trúc và các thể loại tác phẩm văn chương” (Dẫn theo: Trần Đình Sử, 2005: 10).

Công việc nghiên cứu nghệ thuật ngôn từ đã được chú ý từ thời cổ đại. Trong *Nghệ thuật thơ ca*, Aristotle đã khuyên nhà thơ nên dùng những cách nói ẩn dụ, sắp xếp trọng âm, ngắt câu. Ở chương 22 của công trình này, ông viết: những từ phức thích hợp với những bài ca tụng tử thần, những từ cổ thích hợp cho anh hùng ca, còn ẩn dụ thích hợp với thơ trữ tình... (Aristotle, 2007). Ở phương Đông, các nhà Nho cũng thường đàm luận

^(*) TS., Khoa Sư phạm khoa học xã hội, trường Đại học Sài Gòn; Email: ngochien2@gmail.com

về một câu thơ hay, một từ đắt. Các nhà thơ coi trọng hệ thống niêm luật để tạo ra sự hài hòa, cân xứng về hình thức ngôn ngữ. Như vậy, khuynh hướng nghiên cứu ngôn ngữ - hình thức văn chương đã có truyền thống lâu đời.

Tuy nhiên, những lý thuyết về ngôn ngữ học hiện đại chỉ xuất hiện từ đầu thế kỷ XX. Chúng khởi nguồn từ cuốn *Giáo trình Ngôn ngữ học đại cương* của F. Saussure. Từ đây hình thành nên trường phái ngôn ngữ học Genève, hay còn gọi là trường phái ký hiệu học Thụy Sĩ. Những người theo trường phái này cho rằng: “Ngôn ngữ là hình thức chứ không phải chất liệu”. Họ chia một phát ngôn thành hai mặt: cái biểu đạt (hình thức) và cái được biểu đạt (nội dung). Nói cách khác, một bên là ngữ (code) và một bên là ngôn (message). Phần lớn các nhà ngôn ngữ học chú ý phân tích cả phần hình thức và nội dung tác phẩm văn chương. Tuy nhiên, những người theo hình thức luận lại nghiêng về một hướng cực đoan: chỉ chú trọng mặt hình thức (cái biểu đạt).

Thông thường, khi nói đến khuynh hướng nghiên cứu ngôn ngữ văn chương, ta hiểu đây là việc nghiên cứu tác phẩm văn chương từ góc độ ngôn ngữ. Khuynh hướng này khá phổ biến trên thế giới. Ở các trường phổ thông, học sinh được học kỹ năng phân tích tác phẩm nghệ thuật trong giờ học bộ môn tiếng mẹ đẻ. Dĩ nhiên, việc phân tích này xuất phát từ điểm tựa ngôn ngữ học. Chương trình giảng dạy và sách giáo khoa được biên soạn theo hướng lấy ngôn ngữ học làm trục chính, còn tác phẩm văn chương chỉ là ngữ liệu. Trong phần đọc hiểu văn bản, học sinh sẽ nghiên cứu văn bản thơ văn qua lăng kính ngôn ngữ học chứ không phải qua lăng kính xã hội học.

Công việc phân tích diễn ngôn của tác phẩm nghệ thuật không còn là việc làm xa lạ với các nước phương Tây. Chẳng hạn, trong chuyên luận *Bi kịch - dẫn nhập ngắn*, A. Poole (Anh) đã dành hẳn chương VII với tiêu đề “Lời nói, lời nói, lời nói” để bàn về ngôn ngữ kịch. Còn trong *Thi pháp văn xuôi*, T. Todorov (Pháp) lại quan tâm tìm hiểu “lời lẽ giả vờ” của các nhân vật trong sử thi *Odyssee*. Các công trình nghiên cứu thuộc lĩnh vực này khá nhiều. Chúng ta chỉ có thể nêu ra một vài tác phẩm tiêu biểu như: *Văn bản với tư cách đối tượng nghiên cứu của Ngôn ngữ học* (I.R. Galperin), *Vận dụng Ngôn ngữ học để nghiên cứu ngôn ngữ thơ* (S. Saporta), *Văn bản - liên văn bản - lý thuyết văn bản* (G.K. Kosikov), *Tự sự tiểu thuyết: thi pháp hiện đại* (S. Rimmon & Kenan), *Diễn ngôn mới của truyện kể* (G. Genette), *Hiếu văn xuôi* (C. Brooks & R.P. Warren), *Hiếu thơ* (C. Brooks & R.P. Warren), *Nghệ thuật thơ ca* (H. Kenner), *Phân tích văn bản thơ* (Iu. Lotman), *Cấu tạo của ngôn từ* (P. Phlorenski), *Ngôn ngữ và thơ ca* (G. Vinokour chủ biên), *Ngôn ngữ, Văn học, Thi pháp học* (G.V. Xtepanov), *Từ ngữ học hiện đại* (Xương Đức Xuân & Trần Thìn),...

2. Trường phái hình thức luận trong văn học

Thời trung đại, người ta thường chú trọng tìm hiểu phương diện nội dung tư tưởng của tác phẩm nghệ thuật. Ở phương Đông, quan điểm “văn dĩ tải đạo”, “thi ngôn chí” đã trở thành phương châm sáng tác và đánh giá tác phẩm nghệ thuật. Ở phương Tây vào thế kỷ XIX, chủ nghĩa tả chân nổi lên mạnh mẽ... Nhiều người quan niệm, nhà văn là “người thư ký trung thành của thời đại”, tác phẩm văn chương là “tấm gương phản chiếu hiện thực”. Trường phái văn hóa - lịch sử và phương

pháp xã hội học thịnh hành trong nghiên cứu văn chương thời đó. Để phản ứng lại sự thống trị của nhận thức luận, khuynh hướng hình thức luận đã ra đời. Chủ nghĩa hình thức vốn manh nha từ trong những công trình lý luận âm nhạc của nhà mỹ học người Đức J.F. Herbart thế kỷ XIX. Đến đầu thế kỷ XX, giới hội họa Anh đều biết đến câu nói nổi tiếng của Clive Bell: “Nghệ thuật là hình thức có ý nghĩa”. Chủ nghĩa hình thức xuất hiện trong tất cả các ngành nghệ thuật, trong đó có văn chương.

Nếu như các nhà nhận thức luận chỉ quan tâm đến mặt nội dung tư tưởng thì các nhà hình thức luận chỉ quan tâm tới hình thức ngôn ngữ của tác phẩm nghệ thuật. Họ cho rằng, chất liệu cơ bản của văn chương là ngôn từ chứ không phải hình ảnh. Họ cũng bỏ qua việc phân tích nhân vật và nội dung hiện thực trong tác phẩm. Các nhà hình thức luận phủ nhận việc tiếp nhận tác phẩm từ góc độ lịch sử, xã hội, chính trị, tôn giáo, đạo đức, tâm lý... Họ không quan tâm tới tiêu sử tác giả, hoàn cảnh sáng tác, ý kiến bạn đọc. Theo họ, tác phẩm văn chương có giá trị tự thân nên chỉ cần chú ý đến những yếu tố bên trong của tác phẩm, “các quy luật nội bộ của văn chương”. Họ coi trọng các kỹ năng phân tích nghệ thuật tu từ để chỉ ra những cái hay, cái đẹp của tác phẩm và cho thấy tài năng sáng tạo của tác giả.

Chúng ta có thể thấy quan điểm của hình thức luận qua các tác phẩm: *Lịch sử hình thức văn chương Đức* (R. Baukman), *Lý thuyết về hình thức văn chương: Nghiên cứu về hành động tượng trưng* (K. Burke), *Hình thức không gian: một câu hỏi đối với nhà phê bình* (M. Frank), *Vấn đề hình thức và nội dung trong tác phẩm văn chương* (R. Ingarden), *Chủ nghĩa hình thức* (C. Rydel), *Khái niệm về hình thức và kết cấu của phê bình văn nghệ thế kỷ*

XX (R. Wellek), *J.M.G. Le Clezio: tiểu thuyết chống chủ nghĩa hình thức* (G. Zeltner), *Tính nội dung của hình thức nghệ thuật: tự sự, trữ tình, kịch* (G.D. Gachev), *Nội dung và hình thức trong nghệ thuật* (V. Vanslov),...

Chủ nghĩa hình thức có mặt ở khắp nơi trên thế giới. Nhưng ở nước Nga (nơi mà phương pháp xã hội học và trường phái văn hóa - lịch sử giữ vai trò thống soái suốt từ thời trung đại cho đến hết thế kỷ XX), nó thực sự được chú ý. Trường phái hình thức Nga tồn tại trong khoảng thời gian những năm 1914-1930. Trường phái này bao gồm những nhà ngôn ngữ học có cùng chung sở trường nghiên cứu ngôn ngữ - hình thức văn chương. Có thể nêu ra một vài gương mặt tiêu biểu như: R. Jakobson (*Thị học mới Nga ngữ; Ngôn ngữ học và Thị pháp học; Tiểu luận về Ngôn ngữ học đại cương; Thơ là gì?; Thơ ca của ngữ pháp và ngữ pháp của thơ ca*), B.M. Eikhenbaum (*Giai điệu của câu thơ; Nghệ thuật thơ ca Nga; Những người Marxist và phương pháp hình thức; Chung quanh vấn đề các nhà hình thức luận; Lý luận về phương pháp hình thức*), V. Shklovski (*Sự phục sinh của từ; Nghệ thuật như là thủ pháp; Về lý thuyết văn xuôi*), V.N. Voloshinov (*Chủ nghĩa Marx và triết học ngôn ngữ*), V.V. Vinogradov (*Về văn xuôi nghệ thuật; Ngôn ngữ Pushkin; Phong cách văn xuôi Lermontov; Vấn đề tác giả và lý thuyết phong cách; Cốt truyện và phong cách; Phong cách học - Lý luận văn chương - Thị pháp học; Về lý thuyết và ngôn từ nghệ thuật*), B.V. Tomashevski (*Câu thơ và ngôn ngữ; Về câu thơ*), Y.N. Tynianov (*Vấn đề ngôn ngữ thi ca*), O.M. Brik (*Hiện tượng điệp âm thanh; Nhịp điệu và cú pháp*). Những công trình của Hội nghiên cứu ngôn ngữ thi ca Nga (OPOJAZ) cũng được công bố

trong các tuyển tập như: *Những vấn đề Thi pháp; Thi pháp học - Tuyển tập về lý thuyết ngôn ngữ thi ca; Tuyển tập luận văn của chủ nghĩa hình thức Nga;...*

R. Jakobson - người đứng đầu Hội nghiên cứu ngôn ngữ thi ca Nga - cho rằng, nhiệm vụ của thi pháp học là trả lời câu hỏi: “Cái gì khiến cho một thông điệp trở thành một tác phẩm nghệ thuật”. Theo ông, “Đối tượng của khoa học văn chương không phải là văn chương mà là tính văn chương, nghĩa là cái làm cho một tác phẩm nào đó trở thành một tác phẩm văn chương” (Dẫn theo: Huỳnh Như Phương, 2007: 88). Để tìm ra “tính văn chương” (thi tính), các nhà hình thức luận chú trọng tìm hiểu những đặc trưng của ngôn ngữ thơ vì nó có “thi tính” cao hơn ngôn ngữ văn xuôi. Họ nghiên cứu âm tiết, vần điệu, từ vựng, ngữ nghĩa, cú pháp, cấu trúc, hình thức, thủ pháp và chức năng của ngôn ngữ thơ. Từ đó xác định những quy luật riêng mang tính sáng tạo của nhà văn.

Theo quan niệm truyền thống, khái niệm “hình thức” được hiểu là đối lập với “nội dung”. Các nhà hình thức luận không đối lập như vậy mà theo họ, hình thức và nội dung là một thể hài hòa. Họ nghiên cứu một loại “hình thức mang tính nội dung”. B.M. Eikhenbaum khẳng định: “Khái niệm hình thức từ nay đã có một nghĩa mới, nó không còn là cái vỏ, là cái bình đựng nội dung nữa mà là một toàn bộ năng động và cụ thể có nội dung của nó, mà không cần một quan hệ tương hỗ kiểu bình và nước” (Dẫn theo: Thụy Khuê, <http://thuykhuê.free.fr>).

V. Shklovski quan niệm: “Nghệ thuật như là thủ pháp”. Nhà văn đã dùng các thủ pháp nhào nặn chất liệu ngôn ngữ để tạo ra tác phẩm nghệ thuật. Những ngôn từ nghệ thuật này, nói như Aristotle, là

những “từ lạ” gây kinh ngạc. V. Shklovski cho rằng đặc trưng của nghệ thuật là sự “lạ hóa”. Theo ông, nghệ sĩ đã sáng tạo ra những cách diễn đạt mới lạ để làm cho từ ngữ được “phục sinh” dưới hình thức mới. Nhờ đó, mỗi lần tiếp cận tác phẩm văn chương, bạn đọc khám phá thêm một chân trời ngôn ngữ mới lạ. V. Shklovski nói: “Thủ pháp nghệ thuật là thủ pháp làm ‘lạ hóa’ sự vật, là thủ pháp tạo ra sự phức tạp hóa, nó tăng thêm những cảm thụ khó khăn và kéo dài” (Dẫn theo: Phương Lưu, 2001: 213).

Có thể minh họa các luận điểm này bằng các tác phẩm văn chương Việt Nam. Ví dụ, trong bài *Thơ duyên*, Xuân Diệu đã sáng tạo ra những lối diễn đạt lạ thường như: *chiều mộng, chiều thừa, nhánh duyên, lá lá cành hoang nắng trở chiều...* Trong truyện *Chùa Đàn*, Nguyễn Tuân cũng tạo ra những cách diễn đạt khác với ngôn ngữ đời thường: “*Nó là cái lá lay nhào lìa của lá bỏ cành. Nó là cái lê thê của nắm mồ vô danh hiu hiu ngọn vàng so le*”. Cái hay của văn chương là luôn cung cấp cho bạn đọc những cách diễn đạt mới lạ, bất ngờ, thú vị. Đây chính là “chất văn chương” - đối tượng nghiên cứu của thi pháp học.

Tuy nhiên, trong nội bộ trường phái hình thức Nga cũng có hiện tượng “chín người mười ý”. Có thể thấy sự phân hóa này rõ rệt nhất khi trường phái hình thức Nga bị giải tán. Chủ soái của trường phái này, R. Jakobson, sau khi ra nước ngoài đã phát triển luận thuyết của mình trên cơ sở ngôn ngữ học cấu trúc - ký hiệu học. R. Jakobson cùng một số nhà nghiên cứu Tiệp Khắc thời đó là J. Mukarovsky, N.S. Troubetzkoy... lập nên trường phái ngôn ngữ học Prague. Sau đó, R. Jakobson mang hình thức luận sang Tây Âu và Mỹ. Từ giữa thế kỷ XX, phương Tây mới chú ý đến trường phái hình thức Nga.

Những người ở lại Liên Xô chủ trương dung hòa giữa hình thức luận và nhận thức luận để sinh ra trường phái thi pháp học văn hóa - lịch sử. M. Bakhtin đã không tán thành loại “thi pháp học chất liệu” quá cực đoan của V. Shklovski. Bakhtin muốn tìm một giải pháp dung hòa giữa nội dung và hình thức. Ông gọi đó là “hình thức mang tính nội dung” hoặc “hình thức mang tính quan niệm”. Ông coi trọng ngôn ngữ đối thoại của các nhân vật, từ đó suy ra những nội dung tiềm ẩn, liên văn bản. Quan điểm của Bakhtin được thể hiện qua các công trình như: *Phương pháp hình thức trong nghiên cứu văn chương; Vấn đề nội dung, chất liệu và hình thức trong sáng tác nghệ thuật ngôn từ; Những vấn đề thi pháp Dostoevski;...* Hoặc qua các công trình của người khác viết về ông như: *Bakhtin: Ngôn ngữ và đối thoại tư tưởng* (Triệu Nhất Phàm), *Lý luận đối thoại và tiểu thuyết phức điệu* (Trương Ninh), *Mikhail Bakhtin* (K. Clark & M. Holquist),...

Mặc dù chỉ tồn tại trong khoảng thời gian ngắn ngủi nhưng những thành quả của trường phái hình thức Nga đã được nghiên cứu và vận dụng trên khắp thế giới. Ngày nay, chúng ta có thể hiểu thêm về nó qua các tác phẩm: *Chủ nghĩa hình thức Nga* (M. Aucouturier), *Về phương pháp hình thức trong nghệ thuật* (N. Bukharin), *Nhà tù của ngôn ngữ. Đánh giá vai trò của chủ nghĩa cấu trúc và chủ nghĩa hình thức Nga* (F. Critical), *Chủ nghĩa hình thức Nga: Lịch sử - học thuyết* (V. Erlich), *Lịch sử văn chương: đọc chủ nghĩa hình thức Nga* (J. Garson), *Trường phái hình thức Nga* (N. Lajos), *Phê bình chủ nghĩa hình thức Nga - Bốn tiểu luận* (L.T. Lemon & M.J. Reis biên soạn), *Chủ nghĩa hình thức Nga và mục tiêu phân tích âm nhạc của thơ ca* (A. Mandelker), *Tìm hiểu*

thi pháp học Nga: Tầm nhìn của các nhà hình thức và Cấu trúc luận (L. Matejka & K. Pomorska), *Chủ nghĩa hình thức Nga - một siêu thi pháp học* (P. Steiner), *Lý thuyết văn chương* (R. Wellek & A. Warren), *Cuộc cách mạng ngôn ngữ thơ ca* (J. Kriteva),...

3. Khuynh hướng thi pháp học ngôn ngữ - hình thức ở Việt Nam

Thời trung đại, do ảnh hưởng tư tưởng “văn dĩ tải đạo”, “thi ngôn chí”, các nhà Nho Việt Nam ít quan tâm tới hình thức tác phẩm. Tuy nhiên, vẫn có nhiều nhà lý luận đề cao thể cách văn chương. Lê Thánh Tông khen *Khách văn chương* có ngôn từ khéo đến mức: “Những lời hùng hồn đến át cả sông Ngân Hà / Những câu kỳ diệu khiến quỷ thần phải khóc” (Xem: Phương Lựu, 1985: 130). Lê Hữu Kiều cũng bàn về cách thức dùng câu từ trong thơ: “Làm thơ nếu lập ý không linh hoạt sẽ mắc vào bệnh câu nệ; luyện cách điệu không trang nhã sẽ mắc vào bệnh quê mùa; đặt câu không sắc sảo sẽ mắc vào bệnh thô lỗ, kém cỏi; dùng chữ không có âm hưởng sẽ mắc vào bệnh tầm thường” (Xem: Phương Lựu, 1985: 144). Đầu thế kỷ XX, nhiều nhà phê bình đã bàn đến hình thức ngôn từ trong tiểu thuyết hiện đại. Phạm Quỳnh đề nghị kết hợp nhiều hình thức câu văn trong tiểu thuyết: “Trong các lối hành văn, thời lối tiểu thuyết chính là văn tự sự (...) mà còn tham bác nhiều lối khác nữa, như tả cảnh, tả tình, vấn đáp” (Xem: Bùi Việt Thắng, 2000: 22-23)...

Trong giai đoạn 1955-1975, ở miền Nam, có nhiều công trình giới thiệu các thành tựu thi pháp học ngôn ngữ - hình thức trên thế giới. Đặng Tiến có các bài viết giới thiệu lý thuyết hình thức luận của nhà ngôn ngữ học người Mỹ gốc Nga R. Jakobson: *Thơ là gì?* (1973). Phạm Hữu

Lai giới thiệu *Ferdinand de Saussure và ngữ học cơ cấu* (1974). Huỳnh Phan Anh viết về *Samuel Beckett và thẩm quyền của ngôn ngữ* (1969), *Đi tìm tác phẩm văn chương* (1972). Và các công trình khác như: *Ngôn ngữ và thân xác* (Nguyễn Văn Trung, 1967), *Vấn đề ngôn ngữ văn chương* (Nguyễn Quốc Trụ, 1967), *Khái niệm về ngôn ngữ và thi pháp Anh* (Đỗ Khánh Hoan, 1970), *Quan niệm mới về tiểu thuyết: Chữ để ra chữ, Quan niệm mới về tư tưởng phản ý thức mới về ngôn ngữ thi ca* (Bùi Hữu Sùng, 1972), *Văn học và Ngữ học* (Bùi Đức Tịnh, 1974),... Nhiều nhà lý luận văn chương miền Nam ủng hộ các lý thuyết ngôn ngữ học hiện đại. Họ cho rằng, ngôn ngữ nghệ thuật có khả năng biến sinh, chữ để ra chữ, tạo ảo ảnh, bóng chữ. Chẳng hạn, Phú Hưng quan niệm về ngôn ngữ thơ: “không phải là một thứ ngôn ngữ xác ve sau mùa hè đã im bật tiếng kêu mà đó là một thứ ngôn ngữ không ngừng biến sinh mãnh liệt” (Phú Hưng, 1971)...

Trong khi đó, ở miền Bắc, rất ít công trình nghiên cứu phê bình văn chương đề cập đến hình thức nghệ thuật ngôn từ. Năm 1958, Nhà xuất bản Sự thật có giới thiệu cuốn sách *Nội dung và hình thức trong nghệ thuật* của V. Vanslov. Sau đó, xuất hiện một số công trình về hình thức văn chương như: *Hình thức của văn học* (Sơn Tùng, 1960), *Thơ ca Việt Nam - Hình thức và thể loại* (Bùi Văn Nguyên và Hà Minh Đức, 1971), *Những đặc trưng thẩm mỹ của ngôn ngữ tiểu thuyết* (Phan Cự Đệ, 1974),...

Từ những năm 1980, thi pháp học văn hóa - lịch sử từ Liên Xô được du nhập vào Việt Nam. Thông qua nó, người ta lại biết đến trường phái hình thức Nga đầu thế kỷ XX. Hình thức luận dường như ít ảnh hưởng đến thi pháp học Việt Nam. Một

phần vì nó giống như một ngôi sao băng chợt lóe sáng rồi nhanh chóng biến dạng, hòa tan vào các trường phái khác nên khó nhận diện. Một phần do truyền thống văn hóa Việt Nam không chuộng lối nghiên cứu cực đoan của hình thức luận.

Ở Việt Nam, khuynh hướng thi pháp học ngôn ngữ phát triển khá mạnh mẽ. Chính những nhà ngôn ngữ học đã du nhập thi pháp học phương Tây vào Việt Nam. Họ cũng để lại dấu ấn ngôn ngữ học khá rõ nét trong thi pháp học Việt Nam thời kỳ đầu. Có thể thấy điều đó qua các định nghĩa thi pháp học. Đỗ Đức Hiểu định nghĩa: “Thi pháp học là phương pháp tiếp cận, tức là nghiên cứu, phê bình tác phẩm văn chương từ các hình thức biểu hiện bằng ngôn từ nghệ thuật, để tìm hiểu các ý nghĩa hiển hiện hoặc chìm ẩn của tác phẩm” (Đỗ Đức Hiểu, 2000: 9). Còn nhà ngôn ngữ học Nguyễn Thái Hòa phát biểu: “Thi pháp là thuật ngữ của các nhà phê bình và nghiên cứu văn chương, chỉ các phương tiện biểu đạt hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm văn chương, có thể là các phương thức tu từ, thể loại, kết cấu nghệ thuật, hình tượng, phong cách làm nên đặc trưng nghệ thuật của tác giả, tác phẩm” (Nguyễn Thái Hòa, 2006: 212).

Ở Việt Nam sau năm 1975, số lượng công trình nghiên cứu thi pháp học ngôn ngữ - hình thức rất nhiều. Chúng ta có thể chia thành ba nhóm lớn như sau:

Thứ nhất, các công trình giới thiệu các thành quả thi pháp học ngôn ngữ - hình thức ở nước ngoài: *Nghệ thuật như là thủ pháp (Lý thuyết văn chương của chủ nghĩa hình thức Nga)* (Đỗ Lai Thúy biên soạn, 2002), *Thi học và Ngữ học, Lý luận văn học phương Tây hiện đại* (Trần Duy Châu biên dịch, 2008), *Trường phái Hình thức Nga* (Huỳnh Như Phương, 2007), *A.S. Pushkin dưới con mắt R. Jakobson*

(Hoàng Trinh, 2001), *M.M. Ba-kho-tin và vấn đề ngôn từ văn chương* (Nguyễn Kim Đính, 1991), *M. Bakhtin và lý thuyết về giọng điệu đa thanh trong tiểu thuyết* (Nguyễn Đăng Điệp, 1996), *Tính đối thoại / tính liên văn bản trong tư tưởng của Mikhail Bakhtin* (Nguyễn Văn Thuần, 2013), *Lý luận phê bình văn học phương Tây thế kỷ XX* (Phương Lưu, 2001), *Lý luận phê bình văn học thế giới thế kỷ XX* (Lộc Phương Thủy chủ biên, 2007),...

Thứ hai, các công trình lý luận phê bình ngôn ngữ văn chương của các nhà thi pháp học Việt Nam: *Ngôn ngữ thơ* (Nguyễn Phan Cảnh, 1985), *Một số vấn đề về thi pháp của nghệ thuật ngôn từ* (Nguyễn Kim Đính, 1985), *Cách giải thích Văn học bằng Ngôn ngữ học* (2000), *Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều* (Phan Ngọc, 1985), *Thi pháp: sự hình thành, nghĩa và xu thế ứng dụng* (Vương Trí Nhàn, 2000), *Ngôn ngữ và sáng tạo văn học* (Nguyễn Lai, 1998), *Góp phần tìm hiểu nghệ thuật thơ ca* (Bùi Công Hùng, 1983), *Mấy vấn đề Thi học và thi luật đại cương* (Lý Toàn Thắng, 2011), *Từ điển Tu từ - Phong cách học - Thi pháp học* (Nguyễn Thái Hòa, 2006), *Văn thơ Việt Nam dưới ánh sáng Ngôn ngữ học* (Mai Ngọc Chừ, 2005), *Về những thủ pháp nghệ thuật trong văn chương Truyện Kiều* (Phạm Đan Quế, 2002), *Những thế giới nghệ thuật thơ* (Trần Đình Sử, 1995), *Đặc trưng của ngôn ngữ nghệ thuật thể hiện trong văn xuôi* (Đào Thanh, 1994), *Nghệ thuật của ngôn từ* (Phạm Quang Trung, 2013), *Văn, thanh điệu, nhịp điệu trong câu thơ mới bảy chữ tiếng Việt* (Nguyễn Thị Phương Thùy, 2004), *Phân tích diễn ngôn: một số vấn đề lý luận và phương pháp* (Nguyễn Hòa, 2003), *Về các tính chất của ngôn ngữ nghệ thuật* (Nguyễn Thế Lịch, 1998), *Nghệ thuật tiểu thuyết Vũ Trọng Phụng* (Đình Lưu, 2004),

Nghệ thuật tự sự trong tác phẩm của Honoré De Balzac (Lê Nguyên Cẩn, 2011), *Từ nguyên tắc đa âm tới một số hiện tượng văn học Việt Nam* (Đăng Anh Đào, 2002), *Hiện tượng đa thanh từ góc nhìn Ngôn ngữ học* (Nguyễn Đức Dân, 2000), *Trịnh Công Sơn: ngôn ngữ và những ám ảnh nghệ thuật* (Bùi Vĩnh Phúc, 2013),...

Thứ ba, các công trình lý luận phê bình hình thức văn chương của các nhà thi pháp học Việt Nam: *Mối quan hệ giữa hình thức nghệ thuật và nội dung ở thi pháp học* (Phan Đăng Nhật, 2006), *Thơ và hình thức thơ* (Hoàng Trinh, 1983), *Loại hình câu thơ của Thơ mới* (Lê Tiến Dũng, 1994), *Bình giải thơ từ góc độ cấu trúc ngôn ngữ* (Triều Nguyên, 2006), *Bước thơ* (Võ Bình, 1984), *Tiếp đoạn trong một dòng thơ* (Nguyễn Thái Hòa, 1996), *Tìm hiểu nghệ thuật thơ Việt Nam* (Nguyễn Hưng Quốc, 1988), *Nghĩ về thơ* (Nguyễn Hưng Quốc, 1990), *Thơ tân hình thức Việt - tiếp nhận và sáng tạo* (nhiều tác giả, 2014), *Vũ điệu không văn - Tứ khúc và những tiểu luận* (Khế Iêm, 2011), *Hình thức và ý nghĩa của hình thức trong sáng tạo nghệ thuật* (Lê Ngọc Trà, 2013),...

Trải qua một thế kỷ hình thành và phát triển, khuynh hướng thi pháp học ngôn ngữ - hình thức đã tạo ra cuộc cách mạng lớn trong nghiên cứu văn chương. Ngày nay, việc phân tích tác phẩm văn chương từ góc độ ngôn ngữ - hình thức không còn là đề tài gây tranh cãi. Tuy nhiên, trong nhà trường Việt Nam, vẫn còn thịnh hành lối dạy học chú trọng các vấn đề nội dung, tư tưởng, thờ ơ với hình thức nghệ thuật. Nhiều người cho rằng, phân tích nội dung dễ hơn phân tích hình thức. Điều này sẽ được khắc phục nếu được trang bị đầy đủ những kiến thức và kỹ năng cần thiết về ngôn ngữ học và hình thức luận □

Tài liệu tham khảo

1. Aristotle (2007), *Nghệ thuật thơ ca*, Nhiều người dịch, Nxb. Lao động và Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.
2. Trần Duy Châu (dịch và biên khảo, 2008), *Thi học và ngữ học, lý luận văn học phương Tây hiện đại*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
3. Đỗ Đức Hiểu (2000), *Thi pháp hiện đại*, Nxb. Hội nhà văn, Hà Nội.
4. Nguyễn Thái Hòa (2006), *Từ điển Tu từ - Phong cách học - Thi pháp học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
5. Phú Hưng (1971), “Một suy nghĩ về việc làm thơ”, *Tạp chí Khởi hành*, số 127.
6. Thụy Khuê, *Phê bình văn học thế kỷ XX*, <http://thuykhue.free.fr>
7. Phương Lựu (1985), *Về quan niệm văn chương cổ Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
8. Phương Lựu (2001), *Lý luận phê bình văn học phương Tây thế kỷ XX*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
9. Huỳnh Như Phương (2007), *Trường phái hình thức Nga*, Nxb. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
10. Trần Đình Sử (2005), *Tuyển tập*, tập 2, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
11. Bùi Việt Thắng (biên soạn, 2000), *Bàn về tiểu thuyết*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
12. Đỗ Lai Thúy (biên soạn, 2001), *Nghệ thuật như là thủ pháp, lý thuyết chủ nghĩa hình thức Nga*, Nxb. Hội nhà văn, Hà Nội.
13. Lộc Phương Thủy (chủ biên, 2007), *Lý luận phê bình văn học thế giới thế kỷ XX*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
14. Lê Ngọc Trà (2013), “Hình thức và ý nghĩa của hình thức trong sáng tạo nghệ thuật”, *Tạp chí Văn học*, số 1&2.